Người ký: Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh
Cơ quan: Tỉnh Tây Ninh
Thời gian ký: 25.09.2019 14:54:30 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2065 /QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 24 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (TTHC);

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 2296/TTr-SLĐTBXH ngày 19 tháng 9 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC- VPCP;
- TT: TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, HCC;
- Lưu: VT, VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ
Phối hợp giữa Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2065 /QĐ-UBND ngày 24/ 9 /2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc phối hợp; thời gian thực hiện thủ tục của từng cơ quan, đơn vị có liên quan; trách nhiệm của Văn phòng Đoàn đại biểu quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh (viết tắt là Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh) và các sở, ban, ngành trong phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngành Lao động – Thương binh và Xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Danh mục các thủ tục hành chính cụ thể theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, Sở, ban, ngành có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục và tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính (gọi chung là cơ quan, đơn vị).

2. Cán bộ, công chức của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh, sở, ban, ngành có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết thủ tục và tham gia vào quá trình giải quyết thủ tục hành chính.

3. Tổ chức, cá nhân có yêu cầu thực hiện thủ tục hành chính.

4. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

1. Lấy sự hài lòng của tổ chức, cá nhân là thước đo chất lượng và hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức và cơ quan, đơn vị.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị trực tiếp chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện và chịu trách nhiệm về tình hình, kết quả giải quyết các thủ tục hành chính.

3. Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông; đảm bảo sự khách quan, công khai, minh bạch, đúng pháp luật và đúng hạn với cá nhân, tổ chức.

4. Việc phối hợp được thực hiện trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị và các quy định pháp luật có liên quan, không làm ảnh hưởng đến hoạt động riêng của từng cơ quan, đơn vị; đảm bảo có sự phối hợp kịp thời, chặt chẽ, thống nhất trong suốt quá trình giải quyết thủ tục hành chính từ lúc tiếp nhận, giải quyết đến trả kết quả giải quyết.

5. Quá trình giải quyết thủ tục hành chính được đôn đốc, kiểm tra, theo dõi, giám sát, đánh giá bằng các phương thức khác nhau trên cơ sở đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin.

Chương II

THỜI GIAN THỰC HIỆN VÀ TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP TRONG GIẢI QUYẾT CÁC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

Điều 4. Thời hạn thực hiện thủ tục hành chính

1. Thời gian thực hiện thủ tục hành chính tại từng cơ quan, đơn vị bao gồm thời gian giải quyết hồ sơ và thời gian luân chuyển hồ sơ. Tổng thời gian thực hiện tại các cơ quan, đơn vị có liên quan không được vượt quá thời hạn giải quyết quy định cho thủ tục hành chính đó. Khuyến khích các cơ quan, đơn vị đơn giản hóa quy trình, áp dụng các giải pháp để rút ngắn thời gian giải quyết.

2. Thời hạn giải quyết của từng thủ tục hành chính và thời gian thực hiện tại từng cơ quan, đơn vị có liên quan được quy định tại Phụ lục ban hành kèm Quy chế này và Quyết định số 1830/QĐ-UBND ngày 23/8/2019 của Uỷ ban nhân dân tỉnh về việc công bố quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính ngành Lao động – Thương binh và Xã hội thực hiện trên địa bàn tỉnh Tây Ninh. Trong trường hợp văn bản dẫn chiếu được sửa đổi, bổ sung thay thế thì áp dụng văn bản đã được sửa đổi bổ sung thay thế đó.

Điều 5. Trách nhiệm phối hợp trong giải quyết thủ tục hành chính

1. Cơ quan, đơn vị có trách nhiệm tổ chức tiếp nhận, phối hợp giải quyết, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo nguyên tắc, quy trình được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Ngoài nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh có các trách nhiệm sau:

a. Lãnh đạo, chỉ đạo Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo quy định tại Quy chế phối hợp liên ngành số 5970/QC-LN ngày 30/10/2018 về phối hợp giữa Trung tâm

Phục vụ hành chính công tỉnh trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ngành, đơn vị có liên quan trong việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức.

b. Tiếp nhận, kiểm tra hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh. Trường hợp hồ sơ thủ tục hành chính do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chuyển đến không đảm bảo đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh kịp thời chuyển trả cho Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để bổ sung theo quy định.

c. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội theo đúng thời hạn quy định.

d. Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh trễ hạn trong việc phối hợp trình hồ sơ và chuyển kết quả giải quyết thủ tục hành chính dẫn đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh trễ hạn trong việc quyết định, cho ý kiến về thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức.

e. Phối hợp với cơ quan chủ trì trình giải quyết, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc (nếu có), đảm bảo hồ sơ được trả đúng hạn, không gây phiền hà, khó khăn cho cơ quan, tổ chức trong giải quyết thủ tục hành chính.

3. Ngoài nhiệm vụ quy định tại Khoản 1 Điều này, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có các trách nhiệm sau:

a. Là cơ quan chủ trì đầu mối tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ trong quy trình một cửa liên thông giải quyết thủ tục hành chính; kiểm soát toàn bộ quy trình, tiến độ giải quyết thủ tục hành chính; chủ động và kịp thời đôn đốc các cơ quan phối hợp và Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt.

b. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính để xem xét, quyết định theo thẩm quyền (gửi thông qua Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh), đảm bảo đầy đủ hồ sơ, thời hạn theo quy định. Tờ trình phải thể hiện rõ ràng, cụ thể nội dung đề xuất, cơ sở giải quyết; đối với hồ sơ phải phối hợp lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị có liên quan trong quá trình xem xét thẩm tra, thẩm định hồ sơ thì Tờ trình phải trình bày đầy đủ, rõ ràng ý kiến của các cơ quan, đơn vị có liên quan.

c. Thực hiện Thư xin lỗi trong trường hợp để trễ hạn trong việc giải quyết thủ tục hành chính so với quy trình giải quyết thủ tục hành chính đã được UBND tỉnh phê duyệt.

d. Chủ động, thường xuyên rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, có ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh để kịp thời đề xuất sửa đổi, bổ sung danh mục thủ tục hành chính tại Phụ lục để phù hợp quy định pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quy trình phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính

Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ và Kế hoạch số 1553/KH-UBND ngày 29/6/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC.

Điều 7. Khen thưởng, kỷ luật

Kết quả thực hiện Quy chế này là một trong những tiêu chí đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ được Chủ tịch, UBND tỉnh giao có liên quan đến công tác cải cách hành chính.

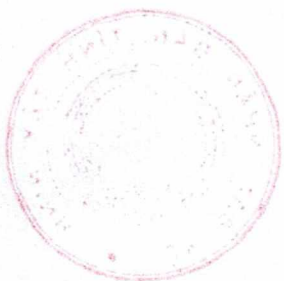
Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện Quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn vướng mắc thì các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có văn bản kiến nghị gửi về Sở Lao động – Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thanh Ngọc



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THỰC HIỆN PHỐI HỢP GIỮA VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH, HĐND, UBND TỈNH, SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA NGÀNH LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘITRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(kèm theo Quyết định số ..1065../QĐ-UBND ngày 24 tháng 9... năm 2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh)

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
1	Thủ tục xếp hạng công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu (hạng Tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II và hạng III	Quan hệ lao động và Tiền lương	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		-Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016của Chính phủ - Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
2	Thủ tục phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố làm chủ sở hữu	Quan hệ lao động và Tiền lương	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc		-Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/6/2016của Chính phủ -Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
3	Thủ tục giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động	Việc làm	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		- Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ - Thông tư số 28/TT-	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
							BLĐTBXH ngày 31/7/2015 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
4	Thủ tục cấp giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	40 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngàylàm việc	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 20 ngày làm việc	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	
5	Thủ tục gia hạn giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	30 ngày làm việc	05 ngày làm việc	10 ngàylàm việc	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 15 ngày làm việc	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	
6	Thủ tục thay đổi giấy phép hoạt động cai nghiện ma túy tự nguyện	Phòng, chống tệ nạn xã hội	30 ngày làm việc	05 ngày làm việc	10 ngàylàm việc	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 15 ngày làm việc	Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	
7	Thủ tục cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	17 ngày làm việc	07 ngày làm việc	10 ngày làm việc		- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013	
8	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	12 ngày làm việc	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc		- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
9	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	12 ngày làm việc	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc		- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
10	Thủ tục gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	12 ngày làm việc	07 ngày làm việc	05 ngày làm việc		- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
11	Thủ tục đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân	Phòng, chống tệ nạn xã hội	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc		- Nghị định số 09/2013/NĐ-CP ngày 11/01/2013 của Chính phủ - Thông tư số 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
12	Cấp Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	25 ngày làm việc	07 ngày làm việc	18 ngày làm việc		Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ	
13	Gia hạn Giấy phép hoạt động	Lao	25 ngày	07 ngày làm việc	18 ngày làm		Nghị định số 29/2019/NĐ-CP	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	cho thuê lại lao động	động, tiền lương	làm việc		việc		ngày 20/3/2019 của Chính phủ	
14	Cấp lại Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	25 ngày làm việc	07 ngày làm việc	18 ngày làm việc		Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ	
15	Thu hồi Giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	15 ngày làm việc	07 ngày làm việc	08 ngày làm việc		Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ	
16	Rút tiền ký quỹ của doanh nghiệp cho thuê lại lao động	Lao động, tiền lương	10 ngày làm việc	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc		Nghị định số 29/2019/NĐ-CP ngày 20/3/2019 của Chính phủ	
17	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Giáo dục nghề nghiệp	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc		Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
18	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch, thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở, Ủy ban	Giáo dục nghề nghiệp	15 ngày làm việc	05 ngày làm việc	10 ngày làm việc		Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nhân dân cấp huyện							
19	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
20	Thủ tục giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ	
21	Thủ tục chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
22	Thủ tục đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	05 ngày làm việc	02 ngày làm việc	03 ngày làm việc		Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ	
23	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	10 ngày làm việc	03 ngày làm việc	07 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	
24	Thủ tục cho phép thành lập phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	10 ngày làm việc	03 ngày làm việc	07 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
25	Thủ tục cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	
26	Thủ tục thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	
27	Thủ tục chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Giáo dục nghề nghiệp	10 ngày làm việc	03 ngày làm việc	07 ngày làm việc		Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
28	Thủ tục Giải thể trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	
29	Thủ tục Đổi tên trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Giáo dục nghề nghiệp	05 ngày làm việc	03 ngày làm việc	02 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	
30	Thủ tục Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
31	Thủ tục Công nhận trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục, trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển sang hoạt động không vì lợi nhuận	Giáo dục nghề nghiệp	20 ngày làm việc	05 ngày làm việc	15 ngày làm việc		Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ	
32	Thủ tục xếp hạng một số loại hình đơn vị sự nghiệp công lập thuộc ngành Lao động – Thương binh và Xã hội	Tổ chức cán bộ	30 ngày làm việc	10 ngày làm việc	20 ngày làm việc		- Quyết định số 18/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư số 18/2006/TT-BLĐTBXH ngày 18/11/2006 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
33	Thủ tục giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ	Người có công	50 ngày làm việc	07 ngày làm việc	18 ngày làm việc	-Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội: 15 ngày làm việc - Hội đồng giám định y khoa cấp tỉnh: 10 ngày làm việc	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09/4/2013 của Chính phủ - Thông tư 05/2013/TT-BLĐTBXH ngày 15/5/2013 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	

Stt	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Thời gian giải quyết thực tế tại tỉnh	Thời gian giải quyết tại Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND, UBND tỉnh (bao gồm cả thời gian tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm hành chính công)	Thời gian giải quyết tại Sở Lao động – Thương binh và Xã hội	Thời gian giải quyết tại các cơ quan, đơn vị có liên quan	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
34	Cấp bằng "Tổ quốc ghi công" đối với những trường hợp thân nhân liệt sĩ đã được giải quyết chế độ ưu đãi trước ngày 01 tháng 01 năm 1995 nhưng chưa được cấp Bằng	Người có công	90 ngày làm việc	05 ngày làm việc	45 ngày làm việc	- Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Chính phủ: 40 ngày làm việc	- Nghị định số 31/2013/NĐ-CPngày 09/4/2013 của Chính phủ - Thông tư số 16/2014/TT-BLĐTBXH ngày 30/7/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội	
35	Thủ tục giải quyết chế độ trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào, Campuchia	Người có công	25 ngày làm việc	02 ngày làm việc	03 ngày làm việc	- Uỷ ban nhân dân cấp xã: 15 ngày làm việc - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 05 ngày làm việc	- Quyết định số 57/2013/QĐ-TTg ngày 14/10/ 2013 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư liên tịch số 17/2014/TTLT-BLĐTBXH-BTC ngày 01/8/2014 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội – Bộ Tài chính	
36	Thủ tục trợ cấp mai táng phí đối với dân công hỏa tuyến tham gia kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế	Người có công	25 ngày làm việc	05 ngày làm việc	05 ngày làm việc	- Uỷ ban nhân dân cấp xã: 05 ngày làm việc - Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội: 10 ngày làm việc	- Quyết định số 49/2015/QĐ-TTg ngày 14/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ - Thông tư liên tịch số 138/2015/TTLT-BQP-BLĐTBXH-BTC ngày 16/12/2015 của Bộ Quốc phòng, Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tài chính	